

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Bản án số: 23/2024/HNGĐ-ST

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ngày: 03/4/2024

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Huỳnh Ngọc Sương**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Tòng

Bà Đinh Thị Tuyết Hạnh

- Thư ký phiên toà: Ông **Trần Thanh Điền** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long: Ông **Nguyễn Hoàng Danh** - Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 203/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2023 về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Phan Thị L**, sinh năm 1986 (có mặt)

Nơi cư trú: tổ 3, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Thanh H**, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Nơi cư trú: tổ C, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản khai ngày 05/7/2023 nguyên đơn Phan Thị L trình bày:

Vào năm 2010 bà và ông Nguyễn Thanh H kết hôn thông qua mai mối, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tại địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Lược, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long, được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/7/2010. Khi cưới gia đình hai bên có tặng 02 chỉ vàng 18K, 03 chỉ vàng 24k, số vàng này vợ chồng đã bán để chi tiêu trong gia đình hết.

Sau khi cưới bà và ông H sống bên ông H tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 5 năm và có hai con chung là Nguyễn Văn Q, sinh ngày 17/9/2011 và Nguyễn Thanh D, sinh ngày 04/3/2014. Đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và thường

xuyên gây gỗ, cự cãi nhau do ông H không quan tâm đến gia đình, vợ con mà thường xuyên nhậu nhẹt bê tha, không lo làm ăn. Bà đã nhiều lần khuyên bảo ông H thay đổi để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng ông H không thay đổi dẫn đến vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, bà không thể tiếp tục sống chung với ông H nên bỏ về nhà mẹ ruột ở tổ C, ấp T, xã T, huyện B sống từ năm 2015 và sống ly thân từ đó đến nay. Hiện nay bà và ông H không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau, mỗi người đã có cuộc sống riêng.

Trong thời gian chung sống bà và ông H không tạo lập được tài sản chung, cũng không có nợ chung.

Bà xác định bà không còn tình cảm với ông H, nên không thể tiếp tục sống chung với ông H vì mâu thuẫn giữa bà và ông H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Thanh H

Về con chung: Bà yêu cầu được nuôi hai con chung là Nguyễn Văn Q, sinh ngày 17/9/2011 và Nguyễn Thanh D, sinh ngày 04/3/2014 (cháu Q và cháu D đang sống với bà L và có ý kiến muốn sống với bà L), bà không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản (*tài sản chung và nợ chung*): tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai đương sự ngày 18/3/2024 ông Nguyễn Thanh H trình bày:

Hôn nhân giữa ông và bà L là thông qua mai mối. Trong thời gian chung sống ông và bà L có hai con chung là Nguyễn Văn Q và Nguyễn Thanh D, giữa ông và bà L không có mâu thuẫn gì lớn, bà L trình bày mâu thuẫn do ông nhậu nhẹt bê tha, không lo cho gia đình là không đúng, thỉnh thoảng có đám tiệc ông mới nhậu. Khoảng năm 2015 không biết lý do gì bà L bỏ về nhà cha mẹ ruột ở, từ đó đến nay bà L không trở về, ông có đến tìm bà L hỏi nhưng bà L không trả lời nên ông không đến nữa. Ông và bà L cũng sống ly thân từ đó đến nay.

Việc bà L xin ly hôn với ông thì ông biết, ông vẫn còn tình cảm với bà L nhưng bà L kiên quyết xin ly hôn với ông thì ông đồng ý. Con muốn sống với ai thì người đó nuôi, con muốn sống với ông thì ông nuôi, ông không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con, con muốn sống với bà L thì ông đồng ý giao con cho bà L nuôi. Về nợ chung: không có, về tài sản: ông và bà L tự thỏa thuận, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông cho đến khi vụ án kết thúc bằng một bản án hay quyết định có hiệu lực pháp luật.

Ông không thuộc đối tượng được trợ giúp pháp lý nên không yêu cầu.

Tại phiên tòa, bà Phan Thị L trình bày: Bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với ông Nguyễn Thanh H và yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con, bà không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra bà không còn yêu cầu nào khác.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý và trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về tố tụng. Đối với người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án thì nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định; bị đơn thì chưa chấp hành đúng quy định (*còn vắng mặt tại phiên họp và hòa giải ngày 24/11/2023, 13/12/2023 và phiên tòa ngày 18/3/2024*)

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị L

- Về quan hệ hôn nhân: cho bà L ly hôn với anh ông Nguyễn Thanh H.
- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn Q, sinh ngày 17/9/2011 và Nguyễn Thanh D, sinh ngày 04/3/2014 cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng, ông H chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Ông H được quyền tới lui thăm nom con chung mà không ai được cản trở.
- Về tài sản chung: bà L và ông H không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.
- Về án phí: Buộc bà Phan Thị L nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, bà L được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bà Phan Thị L xin ly hôn và tranh chấp về nuôi con với ông Nguyễn Thanh H, ông H có nơi cư trú tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long là quan hệ pháp luật thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự và tiến hành các cuộc họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Do đó Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Tại phiên tòa, bị đơn Nguyễn Thanh H vắng mặt lần thứ hai và có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt đối với ông nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung:*

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị L về việc xin ly hôn và tranh chấp về nuôi con với ông Nguyễn Thanh H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Phan Thị L và ông Nguyễn Thanh H chung sống và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nên hôn nhân giữa bà L và ông H là hôn nhân hợp pháp. Nay bà L xác định bà không còn tình cảm với ông H, mục đích hôn nhân không đạt được nên

xin ly hôn với ông H. Xét yêu cầu của bà L là có cơ sở chấp nhận, bởi vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc chung trong gia đình và có nghĩa vụ chung sống với nhau để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc nhưng trong quan hệ vợ chồng giữa bà L và ông H theo lời trình bày của bà L thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và do ông H không quan tâm đến gia đình, vợ con mà thường xuyên nhậu nhẹt dẫn đến vợ chồng sống không có hạnh phúc và đã ly thân nhau từ năm 2015 đến nay, ông H thì cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn nhưng ông H thừa nhận từ năm 2015 đến nay bà L không còn sống chung với ông và ông cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà L. Qua lời trình bày của bà L và ông H xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông H đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể tiếp tục. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, cho bà L ly hôn với anh H.

[3.2] *Về con chung:* Bà Phan Thị L và ông Nguyễn Thanh H có hai con chung là Nguyễn Văn Q, sinh ngày 17/9/2011 và Nguyễn Thanh D, sinh ngày 04/3/2014, các con đang sống với bà L. Bà L yêu cầu giải quyết cho bà được tiếp tục nuôi dưỡng hai con, ông H có ý kiến con muốn sống với ai thì người đó nuôi, con muốn sống với bà L thì ông đồng ý giao các con cho bà L nuôi. Xét thấy yêu cầu của bà L phù hợp với nguyện vọng của cháu Q và cháu D (*cháu Q và cháu D có ý kiến là muốn sống với bà L*) và được ông H thống nhất. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, giao các cháu Nguyễn Văn Q, sinh ngày 17/9/2011 và Nguyễn Thanh D cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do bà Phan Thị L chưa yêu cầu ông Nguyễn Thanh H cấp dưỡng nuôi cháu Q và cháu D nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] *Về quan hệ tài sản:* Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà Phan Thị L phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị L

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Phan Thị L ly hôn với ông Nguyễn Thanh H

1.2. Về con chung: Giao Nguyễn Văn Q, sinh ngày 17/9/2011 và Nguyễn Thanh D, sinh ngày 04/3/2014 cho bà Phan Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực đến khi Q và D đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định của Tòa án về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con. Ông Nguyễn Thanh H chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về quan hệ tài sản: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Phan Thị L nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, số tiền án phí bà L phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0013162 ngày 26/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự: 02b
- VKSND huyện Bình Tân: 01b;
- UBND xã Tân Lược, huyện Bình Tân: 01b;
- CCTHADS huyện Bình Tân: 01b;
- TAND tỉnh Vĩnh Long (PKTNV&THA): 01b
- Lưu hồ sơ vụ án: 01b

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Huỳnh Ngọc Sương